

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn Đ: Bà Hoàng Thị H (vợ ông Đ); Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện N tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H: Bà Phan Thị T; Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện N tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện N tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện N tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Phạm Thị V và bị đơn bà Hoàng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/2/2020 của bà Phạm Thị V và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bà V là anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Khoảng năm 2002 ba mẹ anh (ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị V) có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông bà Nguyễn Kim B, Phan Thị H 01 lô đất diện tích 6.369 m² có trồng cà phê kinh doanh và diện tích 420 m² đất liền kề tại thôn A, xã E, huyện N tiếp giáp với đất của ông Trần Văn S (nay là đất của ông Đ, bà H). Thủ tục sang tên mới hoàn tất đối với diện tích 6.369 m², còn 420 m² thì chưa hoàn tất và hai bên chỉ viết giấy tay với nhau vì nguồn gốc lô đất này do vợ chồng BH nhận chuyển nhượng từ ông S, bà N vào năm 1999 nhưng cũng chưa làm thủ tục sang tên.

Đến năm 2009 ông Nguyễn Văn Đ và bà Hoàng Thị H là hộ có đất liền kề có hành vi lấn chiếm diện tích khoảng 765 m² của ông N, bà V, do đó hai bên xảy ra tranh chấp nên bà H, ông Đ đã khởi kiện ông N, bà V để yêu cầu Tòa án buộc ông N, bà V trả lại diện tích 765 m² cho bà H, ông Đ và đề nghị Tòa án xem xét lại hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Nguyễn Kim B, bà Phan Thị H với ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B và xem xét hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Nguyễn Kim B, bà Phan Thị H với bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N.

Ngày 30/5/2011, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử lần 1 và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông Đ, buộc bà V, ông N trả lại 765m² đất cho bà H, ông Đ. Do đó bà V, ông N kháng cáo nên ngày 21/3/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã hủy bản án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết lại. Ngày 11/9/2013 Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã xét xử lần 2, không chấp nhận đơn yêu cầu của bà H, ông Đ và công nhận quyền sử dụng đất cho bà V, ông N, bà H ông Đ kháng cáo nên ngày 21/4/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã sửa bản án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H, ông N đồng thời công nhận quyền sử dụng 765 m² cho bà V.

Do đó bà V đã căn cứ vào bản án số 36 ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng để hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần diện tích 765 m² và hiện nay Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp

bia đồ cho bà V đối với phần diện tích 765 m², đến năm 2014 thì bà H, ông Đ đã lấn chiếm phần đất này, chặt phá toàn bộ tài sản trên đất.

Để đảm bảo quyền lợi của mình, bà V khởi kiện ông Đ, bà H yêu cầu ông Đ, bà H trả lại diện tích 765 m², bồi thường số tiền 80.000.000 đồng vì từ năm 2014 đến nay bà H ông Đ là người sử dụng toàn bộ 104 cây cà phê kinh doanh trên diện tích đất, di dời toàn bộ cây trồng trên đất này cho bà V. Tại phiên tòa, anh Tài xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H trả lại diện tích đất 765 m² cho bà V, ông N.

Bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là bà Hoàng Thị H tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H là bà Phan Thị T trình bày:

Cuối năm 2004, vợ chồng bà H thông qua cơ quan thi hành án dân sự huyện Krông Năng có thỏa thuận với vợ chồng bà Lưu Thị B (tên gọi khác là Lưu Thị N), ông Trần Văn S, trả tiền vào ngân hàng E thay vợ chồng bà B (N), vợ chồng bà B (N) lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng và hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng bà H lô đất diện tích 7.848m², trong đó có 400m² đất thổ cư và 7.448m² đất nông nghiệp, trên đất có trồng cà phê tại thôn A, xã E. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn S (hiện ông S đã chết). Đến năm 2005 thủ tục sang nhượng hoàn tất và vợ chồng bà H đã được cấp giấy CNQSD đất và sử dụng lô đất theo qui định. Vị trí lô đất cụ thể: Đông giáp đất ông T, Tây giáp đất bà Phạm Thị V, Nam giáp đường liên xã và bắc giáp đất ông D.

Đến đầu 2005, Phạm Thị V là hộ có đất liền kề về phía Tây tự động lấn chiếm của vợ chồng bà H khoảng 765m², vị trí đất lấn chiếm: Đông giáp đất của vợ chồng bà H, tây giáp đất bà V, Nam giáp đường liên xã và bắc giáp đất của vợ chồng bà H. Do đó năm 2009 vợ chồng bà H khởi kiện bà V, ông N để đòi lại 765m² đất này, bồi thường sản lượng cà phê mà bà V thu từ năm 2004-2009 và đề nghị xem xét hợp đồng chuyển nhượng QSD đất (viết tay) giữa ông Nguyễn Kim B, bà Phan Thị H và vợ chồng bà Lưu Thị B, ông Trần Văn S, xem xét hợp đồng giữa bà Phan Thị H, ông Trần Kim Bắc và bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N. Sau đó Tòa án huyện Krông Năng xét xử lần 1 (ngày 30/5/2011), buộc bà V, ông N trả lại đất cho vợ chồng bà H và hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa vợ chồng bà H, ông B đối với bà V, ông N, vì bà V kháng cáo nên ngày 21/3/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết lại.

Đến ngày 11/9/2013 Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử lần 2, tại bản án số 36 thì lại không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng bà H, công nhận quyền sử dụng đất diện tích 765m² là của ông N, bà V, hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 22/01/2005 giữa bà Lưu Thị B với vợ chồng bà H và buộc bà B phải trả lại cho vợ chồng bà H số tiền 48.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà H kháng cáo, tại bản án số 51a/2014/DSST của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng bà H, hủy một phần

bản án về hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 22/01/2005 giữa vợ chồng bà H và bà Lưu Thị B đối với diện tích 765m².

Sau đó bà V căn cứ vào bản án số 36 ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng để xin cấp giấy chứng nhận QSD 765m² đất, mặc dù bản án số 36 ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử và sửa bản án nhưng UBND huyện K lại ra quyết định 6310 ngày 01/11/2017 để hủy quyết định cấp bìa đồ cho bà H mặc dù tại thời điểm này, giấy chứng nhận QSD đất số AC536504 cấp ngày 24/01/2005, diện tích 7.848m² đã được vợ chồng bà H thế chấp tại ngân hàng Eximbank từ năm 2015 để vay vốn phục vụ sinh hoạt gia đình. Không đồng ý với việc UBND huyện ra quyết định số 6310 để hủy việc cấp bìa đồ số AC 536504 ngày 24/01/2005 cho vợ chồng bà H nên bà H đã khởi kiện vụ án hành chính đối với UBND huyện K, yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định số 6310. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tòa án cấp cao không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà H. Sau đó bà H tiếp tục khởi kiện Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk vì đã căn cứ vào bản án cấp bìa đồ sai cho bà V nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tòa án cấp cao không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà H. Do đó hiện nay bà H vẫn đang tiếp tục khiếu nại các bản án này nhưng chưa có kết quả.

Nay bà V khởi kiện bà H, ông Đ để đòi lại lô đất 765m² và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà V xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000 đồng thì bà đại diện cho bà H không đồng ý trả lại lô đất 765m² cho bà V vì: Lô 7.848m² (có bao gồm 765m²) do vợ chồng bà H mua hợp pháp, UBND huyện K đã cấp giấy CNQSD đất số AC536504 ngày 24/01/2005. Việc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Phạm Thị V là hoàn toàn sai nên không đồng ý trả. Đối với việc rút yêu cầu bồi thường thiệt hại thì bà không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DSST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 584, Điều 588 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 186, 189, 190 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị V.

[1] Buộc bà Hoàng Thị H phải trả lại cho bà Phạm Thị V diện tích 765 m² đất. Vị trí: Phía Đông giáp đất bà H 160 met; Phía Tây giáp đất bà V dài 159,1 met; Phía Nam giáp đường liên thôn rộng 4,8met và phía Bắc giáp đất bà H rộng 4,8m tại thôn A, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V.

Bà Phạm Thị V được quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên đất là: 95 trụ tiêu (trụ xi măng) có mỗi tiêu trồng năm 2014 – 2015, 105 trụ tiêu (trụ xi măng) không có mỗi tiêu; 30 cây bơ both trồng năm 2015; 06 cây mít thái trồng năm 2018 cho bà Phạm Thị V quản lý, sử dụng.

Buộc bà Phạm Thị V phải hoàn trả giá trị cây trồng trên đất cho bà Hoàng Thị H số tiền là 104.095.500 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

Buộc bà Hoàng Thị H phải di dời 01 hàng rào lưới B40 cao 1,2 mét, 100 trụ xi măng, có 03 sợi thép gai phía trên chiều dài 160,8 mét ra khỏi diện tích 765m²;

[2] Đình chỉ phần yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000 đồng của bà Phạm Thị V.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/7/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại đối với phần buộc bà V phải hoàn trả giá trị cây trồng trên đất cho bà Hoàng Thị H. Cùng ngày, bị đơn bà Hoàng Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại đối với phần buộc bà H phải trả cho bà Phạm Thị V diện tích 765m² đất tại thôn A, xã E, huyện N tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị V là có căn cứ, nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị H là không có căn cứ. Tuy nhiên, xét thấy cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng: Tòa án xác định sai quan hệ tranh chấp, thiếu người tham gia tố tụng là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Đ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ vụ án về lại cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Nguyên đơn bà Phạm Thị V và bị đơn bà Hoàng Thị H có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đều đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Vì vậy, vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại” là không đúng. Bởi lẽ, việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên đã được Tòa án các cấp giải quyết bằng các bản án có hiệu lực pháp luật. Trên cơ sở đó, ngày 15/10/2018 Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 cho bà V đối với phần diện tích 765 m², tuy nhiên bà H, ông Đ vẫn chiếm giữ nên bà V khởi kiện yêu cầu ông Đ bà H trả lại phần diện tích đất trên và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Trong trường này, quan hệ tranh chấp phải được xác định là tranh chấp Kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[2.2] Về người tham gia tố tụng: Tại bản trích lục khai tử của ông Nguyễn Văn Đ (bút lục 192) thể hiện bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985 chết ngày 04/02/2021. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, trong trường hợp này người thừa kế của ông Đ sẽ tham gia tố tụng. Trong khi đó, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phan Thị T là bố mẹ của ông Đ, nhưng Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ mà tự ấn định bà H (vợ ông Đ) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ là thiếu người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn liên quan đến phần bản án tuyên buộc bị đơn bà H có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn bà V phần diện tích đất lấn chiếm 765m², Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 2009 vợ chồng bà H, ông Đ khởi kiện bà V, ông N để đòi lại 765m² đất, bồi thường sản lượng cà phê mà bà V thu từ năm 2004-2009 và đề nghị xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (viết tay) giữa ông Nguyễn Kim B, bà Phan Thị H và vợ chồng bà Lưu Thị B, ông Trần Văn S, xem xét hợp đồng giữa bà Phan Thị H, ông Trần Kim Bắc và bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N. Vụ án đã được giải quyết tại nhiều bản án và tại bản án có hiệu lực pháp luật số 51a/2014/DSST ngày 24/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên: Không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng bà H, hủy một phần bản án về hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/01/2005 giữa bà Lưu Thị B với vợ chồng bà H đối với diện tích 765m².

Như vậy, bà V, ông N đã được Tòa án công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với phần diện tích đất 765 m² mà các bên đang tranh chấp. Bản án có hiệu lực pháp luật nên ngày 15/10/2018 Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 cho bà V đối với phần diện tích 765 m² là

đúng quy định. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc bị đơn bà H phải trả lại cho bà V phần diện tích đất 765 m² phù hợp.

[3.2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị V về phần bồi thường giá trị cây trồng trên đất với số tiền 104.095.500 đồng, hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ kết quả giải quyết vụ án tại bản án số 54a/2014/DSPT ngày 24/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn được xác lập hợp pháp theo bản án từ ngày 24/4/2014. Việc bị đơn bà H không tự nguyện giao trả đất mà cố tình trồng các loại cây trồng trên phần diện tích đất không thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình là trái pháp luật. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả lại đất và di dời toàn bộ trụ tiêu và tài sản là cây trồng trên đất để trả lại phần diện tích đất cho gia đình nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và cho rằng việc giữ các loại cây trồng để không làm mất giá trị tài sản trên đất nhưng không xem xét ý kiến của nguyên đơn mà tuyên công nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên đất cho nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải hoàn trả giá trị cây trồng trên đất là 104.095.500 đồng là không phù hợp, vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H là không có căn cứ, nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị V là có căn cứ. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk giao về lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[5] Về chi phí tố tụng: Sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị V và bà Hoàng Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị V và bà Hoàng Thị H, mỗi người 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai lần lượt số số 60AA/2021/0002953 ngày 23/7/2021 và 60AA/2021/0002961 ngày 29/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung